

GIÁ TRỊ NHẬT BẢN – MỘT GÓC NHÌN

Ngô Văn Lê

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

TÓM TẮT

Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng đi tìm giá trị Nhật Bản, dựa vào hai giai đoạn được xem là quan trọng nhất đối với sự phát triển của Nhật Bản ở thời cận – hiện đại lịch sử Nhật Bản. Ở giai đoạn Minh Trị Duy Tân giá trị Nhật Bản được thể hiện ở chỗ là mạnh dạn trút bỏ những gì không còn phù hợp cho sự phát triển của đất nước hướng tới một cuộc cải cách. Trên con đường tiến hóa chung của lịch sử nhân loại, Nhật Bản đã tìm cho mình một con đường đi riêng dựa vào những tính đặc thù của lịch sử và điều kiện tự nhiên, tạo bước đột phá làm nên một kì tích, mà không phải tộc người nào trong bối cảnh như vậy có thể làm được. Ở giai đoạn sau năm 1945, ngoài những giá trị kế thừa của giai đoạn phát triển trước, còn là những giá trị làm nên bản sắc văn hóa tộc người Nhật trong bối cảnh mới. Giá trị Nhật Bản là tất cả những gì làm nên bản sắc văn hóa tộc người trong suốt chiều dài lịch sử.

Từ khóa: Minh Trị duy tân, giá trị, văn hóa, xã hội

*

Nhật Bản là quốc gia quần đảo ở Đông Á với khoảng trên 4000 đảo lớn nhỏ, trong đó có 4 đảo lớn là Hokkaido, Honshu, Kyushu và Shikoku. Như nhiều quốc gia khác trên thế giới, sự phát triển của Nhật Bản diễn ra với những bước thăng trầm của lịch sử. Với cuộc Minh Trị Duy Tân, Nhật Bản đã vượt khá nhanh so với các nước trong khu vực. Nhưng với việc tham gia phe trục phát xít, kết thúc cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II, Nhật Bản là một nước bại trận, thì hậu quả để lại cũng rất nặng nề. Một lần nữa người Nhật lại vươn lên trong đổ nát để trở thành một trong 7 nước phát triển nhất thế giới. Ngày nay, khi nói đến Nhật Bản là người ta nghĩ đến một quốc gia phát triển hàng đầu thế giới. Các nước phương Đông ngưỡng mộ và nhìn nhận Nhật Bản như là một tấm gương sáng vươn lên trong đổ nát sau chiến tranh để tự khẳng

định mình. Cái gì đã làm nên sức mạnh đó? Để trả lời cho câu hỏi này không ít các công trình đã ra mắt độc giả [1], [2], [3]. Bài báo này cũng nhằm góp phần tìm lời giải cho câu hỏi trên.

Lịch sử phát triển của Nhật Bản có thể có nhiều mốc quan trọng, mỗi mốc đó ghi nhận những đổi thay trong đời sống xã hội, trong phát triển kinh tế, trong đời sống văn hóa. Nhưng có hai giai đoạn được xem là quan trọng nhất. Đó là thời Minh Trị Duy Tân được bắt đầu vào năm 1868 và thời Nhật Bản sau chiến tranh thế giới lần thứ II. Trong bài viết của mình, chúng tôi tập trung vào hai mốc thời gian quan trọng đó.

1. Nhật Bản thời Minh Trị duy tân

Trong lịch sử phát triển của mình, Nhật Bản tuy là một quốc gia đảo, nhưng ở đây đã có con người cư trú từ thời đồ đá cũ và sáng tạo nên những nền văn hóa có giá

trị. Một trong những nền văn hóa tiêu biểu, mà ngày nay thường nói đến là nền văn hóa Jô – môn (khoảng 8000 năm đến 250 TCN). Từ thế kỉ thứ III TCN và những thế kỉ tiếp theo, do sự mở rộng giao lưu, từ Triều Tiên văn hóa đại lục Đông Á đã có ảnh hưởng đến lãnh thổ Nhật Bản. Các phát hiện khảo cổ học đã cho biết vào thời điểm này người Nhật đã biết trồng lúa nước, biết chế tạo đồ gốm bằng bàn xoay. Họ cũng biết làm thủy lợi để phục vụ cho việc trồng lúa nước. Quá trình phát triển của Nhật Bản cũng giống như sự phát triển của các quốc gia trong khu vực, cho đến giữa thế kỉ XIX vẫn là một nước nông nghiệp.

Người nông dân không có ruộng bị bóc lột tô thuế và lao dịch nặng nề, ruộng đất nằm trong tay những địa chủ cho vay nặng lãi. Vào thời điểm này, cũng đã ghi nhận quá trình phân rã của các quan hệ phong kiến, sự độc quyền của giới quân sự về ruộng đất đã bị dần dần phá vỡ.

Nông dân tiếp tục bị mất ruộng, nhưng đất đai không còn nằm trong tay địa chủ, mà đã dần dần chuyển sang tầng lớp xã hội mới - những người giàu có trong tầng lớp thương nhân. Cùng với nền sản xuất nông nghiệp, quan hệ sản xuất mới cũng đã bắt đầu xuất hiện với việc xuất hiện các công trường thủ công. Trong nửa đầu thế kỉ XIX đã có gần 200 công trường thủ công mới xuất hiện. Và cùng với việc ra đời các công trường thủ công, giai cấp công nhân làm công ăn lương ra đời (làm việc tại các công trường thủ công) ở Nhật Bản đã xuất hiện giai cấp tư sản non trẻ có nguồn gốc khác nhau. Tuy nhiên, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nhật Bản bị chế độ phong kiến kìm hãm và cản trở. Đến giữa những

năm 50 của thế kỉ XIX, do đời sống của nông dân ngày một khốn khổ, do xuất hiện những giai cấp mới, chính sách: “bế quan tỏa cảng” bị phá sản trước những áp lực từ bên ngoài, làm cho mâu thuẫn trong lòng xã hội ngày một gia tăng, đã dẫn đến những cải cách của Minh Trị vào năm 1868. Khác với những người chủ trương du văn hóa Âu - Mỹ chỉ giới hạn trong phạm vi chính quyền và quân sự, còn các lĩnh vực như kinh tế, giáo dục thì không quan tâm, Minh Trị chủ trương mở rộng toàn diện để đất nước có điều kiện phát triển. Có thể tóm tắt những nội dung cơ bản của cuộc cải cách Minh Trị bao gồm:

a) Xóa bỏ lãnh địa cát cứ trong toàn quốc, thống nhất đất nước.

b) Thủ tiêu chế độ phân biệt đẳng cấp vốn tồn tại dai dẳng trong xã hội.

c) Tổ chức lại lực lượng quân sự, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chính phủ, thực hiện nghĩa vụ quân sự toàn dân, cách tổ chức, huấn luyện theo phương thức mới của phương Tây.

d) Với tinh thần “phú quốc, cường dân” nhà nước cải cách điền địa phân phát ruộng đất, giúp cho người dân tự canh tác thuộc sở hữu của mình để trở thành những điền chủ, tạo điều kiện cho công thương nghiệp phát triển, thủ tiêu tất cả các phân biệt cách trở về thuế khoá và thuế quan trong nước, thống nhất đơn vị đo lường và tiền tệ, Nhà nước tuyên bố và bảo đảm quyền tự do thương mại, tự do di chuyển hàng hóa và tự do đi lại của người dân trên toàn quốc.

e) Xóa bỏ những bộ luật cũ không còn phù hợp, lập tòa án theo mô hình tư sản của các nước phương Tây, ban hành hiến pháp mới quy định Nhật Bản theo chế độ quân chủ lập hiến.

f) Trong lĩnh vực giáo dục có chính sách “Tân giáo dục”, nâng cao dân trí, phổ cập giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân, bắt buộc lập thêm các trường học ở các làng xã, thực hiện chính sách giáo dục cưỡng bức [2].

Những cải cách của Minh Trị bắt đầu vào những năm cuối của thế kỉ XIX đã tạo ra sức mạnh mới cho Nhật Bản phát triển, trở thành nước công nghiệp hàng đầu trong khu vực vào những năm đầu của thế kỉ XX. Với một tinh thần cải cách xây dựng kinh tế trên nền tảng tư bản chủ nghĩa và sau khi công bố Hiến pháp mới quy định Nhật Bản theo chế độ quân chủ lập hiến, Nhật Bản mỗi ngày mỗi tiến nhanh trên con đường hiện đại, nhất là các lĩnh vực công nghệ, kĩ thuật. Xã hội Nhật Bản cũng có những thay đổi lớn lao, ngoài những giai tầng đã có từ trước, nay xuất hiện những giai tầng mới và ngày càng có ảnh hưởng trong xã hội. Cũng trong giai đoạn này ghi nhận sự lớn mạnh của lực lượng quân sự của Nhật Bản trong việc đối đầu với các lực lượng quân sự từ bên ngoài. Đó là chiến thắng của Nhật Bản trong cuộc chiến tranh Trung – Nhật (1894 - 1895) và cuộc chiến tranh Nga – Nhật (1904 - 1905). Từ một nước lạc hậu như bao quốc gia khác trong khu vực, nhờ những cải cách thời Minh Trị, Nhật Bản đã phát triển toàn diện, trở thành một quốc gia hùng mạnh, có tiếng nói quyết định không chỉ trong khu vực châu Á mà vươn tới tầm quốc tế. Bằng chứng là vào năm 1919 Nhật Bản là một trong năm cường quốc tham gia Hội nghị hòa giải tại Pháp.

Minh Trị Duy Tân mở ra một thời kì mới, thời kì phát triển vượt bậc của Nhật Bản trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự. Với vị trí và tầm vóc của mình

thời Minh Trị Duy Tân được xem là “Đệ nhất khai quốc, vì tất cả những văn minh khoa học của Nhật Bản là được khai triển từ thời này” [2]. Ngày nay, sau gần 150 năm kể từ khi bắt đầu cuộc Minh Trị Duy Tân (1868), người ta đã chứng kiến sự phát triển của Nhật Bản với những thành tựu và những giới hạn lịch sử của cuộc Minh Trị Duy Tân, có đủ thời gian, công sức để xem xét, đánh giá những giá trị của cuộc cải cách này đối với sự phát triển thần kì của chính Nhật Bản, những giá trị vật chất và tinh thần mà cuộc cải cách này mang lại cho nhiều quốc gia - dân tộc trong phạm vi khu vực và quốc tế.

2. Nhật Bản sau chiến tranh thế giới lần thứ II

Nhật Bản tham gia chiến tranh thế giới lần thứ II với tư cách là đồng minh của phe trục phát xít. Khi kết thúc chiến tranh, là nước bại trận Nhật Bản bị thiệt hại nặng nề cả về nhân mạng, cơ sở vật chất và tinh thần. Trong cuộc chiến tranh đẫm máu mà Nhật Bản tham gia đã có gần 3 triệu người chết, mất tích và bị thương. Khoảng 40% số đô thị bị tàn phá với khoảng 2,2 triệu ngôi nhà đã bị phá hủy hoặc thành đồng tro tàn. Khối lượng công nghiệp của năm 1946 (một năm sau chiến tranh) chỉ bằng khoảng 30% so với năm 1936 (10 năm trước chiến tranh). Nông nghiệp là nơi cung cấp lương thực cho người dân, lại mất mùa làm cho giá cả tiêu dùng tăng cao càng ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Mặt khác, do thất bại trong chiến tranh nên quân đội Nhật Bản với hơn 7 triệu người bị giải giáp, lực lượng này bổ xung cho đội quân thất nghiệp vốn đã đông nay lại đông thêm, làm sâu sắc thêm

những vấn đề xã hội. Trong bối cảnh đó, Nhật Bản trước chiến tranh có thuộc địa, có thể chia sẻ những khó khăn, nhưng sau chiến tranh không còn thuộc địa, nên cũng không có nguồn cung cấp, hỗ trợ nào. Nước Nhật Bản lại còn bị quân Đồng minh chiếm đóng do quyết định của Hội nghị Potsdam (Hà Lan). Mặc dù đời sống của người dân Nhật Bản đã gặp nhiều khó khăn sau chiến tranh, thiếu thốn đủ bề, nhưng chính phủ Nhật Bản phải cung cấp nhu lương thực và thực phẩm cho quân Đồng minh và phải bồi thường chiến tranh. Thất bại trong chiến tranh làm cho đời sống tinh thần của người Nhật trở nên suy sụp, lòng tin vào chế độ Thiên Hoàng hoàn toàn đổ vỡ. Do việc Nhật Bản bị đặt dưới quyền của Liên Hợp Quốc, nên các vấn đề đối nội và đối ngoại đã có những thay đổi so với trước chiến tranh. Một trong những thay đổi đó là vào ngày 3 tháng 11 năm 1946 bản Hiến pháp mới đã được thông qua thay thế cho Hiến pháp năm 1880. Hiến pháp mới được soạn thảo có sự tham gia trực tiếp của tướng M. Átơ, chỉ huy quân Đồng minh tại Nhật Bản. Hiến pháp mới thủ tiêu nền quân chủ. Thiên Hoàng chỉ còn là một biểu tượng, không còn quyền uy nữa. Quyền hành đất nước thuộc về Quốc hội trên cơ sở phổ thông đầu phiếu cho cả nam lẫn nữ. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, các tầng lớp quý tộc đặc quyền đều bị thủ tiêu. Hiến pháp mới hủy bỏ chế độ phong kiến, đề cao giá trị nhân quyền của người dân. Cùng với việc dân chủ hóa đời sống xã hội, sau chiến tranh Nhật Bản cũng có những cải cách trong kinh tế, như hạn chế các tổ chức độc quyền và quá trình phi tập trung hóa sản xuất, trong nông nghiệp là

cuộc cải cách ruộng đất, làm cho những nông dân linh canh ruộng đất thành người chủ của những mảnh ruộng nhỏ nhằm phát triển nền kinh tế tiểu nông trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản. Một vấn đề cũng cần lưu ý là, tuy danh nghĩa là Nhật Bản bị quân Đồng minh chiếm đóng, nhưng trên thực tế lực lượng chiếm đóng chủ yếu là quân đội Mỹ và một bộ phận nhỏ quân Anh. Sự hiện của quân đội Mỹ cùng với những thay đổi trong đời sống xã hội đã có ảnh hưởng đến sự phát triển của Nhật Bản sau chiến tranh. Bên cạnh đó do việc phát triển kinh tế xã hội của Nhật Bản sau chiến tranh đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của giáo dục. Và ngược lại chính sự phát triển vượt bậc của giáo dục đã trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế Nhật Bản.

Sau chiến tranh thế giới thứ II, từ đồng tro tàn và đổ nát, lại bị quân Đồng Minh chiếm đóng, Nhật Bản đã gượng dậy để rồi trải qua một thời gian ngắn, trở thành một nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới. Đây là nguồn lực để cho Nhật Bản vươn lên. Đã có nhiều người tìm câu trả lời, nhưng “không thể có một câu trả lời chung nhất và đầy đủ giải đáp về sự thần kì của nền kinh tế Nhật Bản, mà chỉ từ quan điểm tổng hợp, người ta mới hy vọng soi sáng được vấn đề. Những bài học rút ra từ đây cũng rất khác nhau đối với mỗi quốc gia và mỗi nhà nghiên cứu” [1]. Thời kì sau chiến tranh thế giới lần thứ II “được xem là “Đệ nhị khai quốc”, vì đây là giai đoạn thứ hai trên đường văn minh tiến bộ của Nhật Bản” [2]. Vậy có thể rút được những giá trị nào?

Như chúng ta biết, trong quá trình tiến hóa của nhân loại, của một khu vực, một

đất nước hay một cộng đồng người nhất định không chỉ tuân thủ quy luật tiến hóa phổ quát của loài người là chuyển biến theo một con đường nhất định, mà còn bị chi phối bởi quy luật phát triển không đồng đều giữa các khu vực, các cư dân khác nhau. Tiếp cận sự phát triển lịch sử văn minh nhân loại, cách lâu nay chúng ta vẫn tiến hành. Theo đó, thì loài người trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội. Đây là quy luật tiến hóa phổ quát của loài người. Nhưng trong thực tế thì không phải khu vực nào, quốc gia dân tộc nào (Nation - État), cộng đồng cư dân nào cũng nhất nhất trải qua đủ năm hình thái kinh tế - xã hội. Sở dĩ có tình hình đó là vì trong quá trình phát triển của mình từng khu vực, từng quốc gia - dân tộc, từng cộng đồng cư dân không chỉ bị chi phối bởi lịch đại, mà còn bị chi phối bởi tác động đồng đại. Quy luật tiến hóa theo một con đường nhất định có tác động chi phối lịch đại, thì quy luật phát triển không đồng đều lại có tác động chi phối đồng đại, một tác động ngoại sinh trong cộng đồng dân cư một đất nước, một khu vực nhất định. Nếu tất cả mọi tộc người đều phát triển theo con đường phổ quát của lịch sử nhân loại, thì không thể có bức tranh đa sắc màu về sự phát triển hết khác biệt giữa các tộc người trong thế giới đương đại. Mặt khác, loài người tiến lên không chỉ với những đột biến do sự phát triển bột phát của khoa học công nghệ, của sức sản xuất mang tính lượng đổi thành chất, mà còn phát triển tương hỗ trên một không gian xã hội ngày càng rộng mở. Ở đây diễn ra một sự không ăn khớp giữa quy luật tiến hóa phổ quát của nhân loại với quy luật tiến hóa cụ thể của từng quốc gia, từng khu vực,

từng dân cư. Sự không ăn khớp đó là do tác động đồng đại, tức là tác động qua lại giữa các vùng, các cộng đồng người phát triển và các vùng, các cộng đồng người chậm tiến. Tác động này ngày càng chiếm một vị trí quan trọng có sức mạnh buộc các xã hội không nằm trong những trung tâm văn minh phải chấp nhận những bước thăng trầm hoặc phải suy thoái hoặc phải rút ngắn thời gian vận hành đi lên bằng con đường khác nhau. Trở lại con đường phát triển của Nhật Bản trong thế kỉ XIX, theo quy luật tiến hóa chung vào thời điểm đó, các nước trong khu vực châu Á cũng như Nhật Bản, xã hội phong kiến với những đặc điểm phương Đông đang là xu thế chính chi phối đời sống mọi mặt. Trước sức mạnh của chủ nghĩa tư bản nhiều nước châu Á đã trở thành thuộc địa. Trong bối cảnh đó, nếu Nhật Bản không chọn lựa con đường cải cách mở cửa toàn diện, thì số phận của Nhật Bản cũng không khác số phận của các quốc gia trong khu vực - không bị một nước phương Tây xâm chiếm, thì cũng bị phụ thuộc như trường hợp của Thái Lan và cũng sẽ không có đóng góp gì cho lịch sử nhân loại cũng như sự thức tỉnh châu Á. Nhật Bản không chấp nhận số phận và đã chọn cho mình một con đường đi riêng phù hợp với điều kiện đặc thù của xã hội Nhật Bản lúc bấy giờ. Cuộc Minh Trị Duy Tân đã diễn ra toàn diện, tạo ra những bước phát triển nhảy vọt, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà còn cả trong các lĩnh vực khác của đời sống. Giá trị Nhật Bản được thể hiện ở chỗ, trong lúc nhiều quốc gia - dân tộc bị choáng ngợp trước sức mạnh của chủ nghĩa tư bản, không tìm cho mình một hướng đi phù hợp. Sự phát triển của Nhật

Bản cũng tuân thủ sự tiến hóa phổ quát – từ phong kiến phát triển lên chủ nghĩa tư bản – nhưng lại có tính đặc thù bị chi phối bởi điều kiện cụ thể của xã hội Nhật Bản lúc bấy giờ. Có ý kiến cho rằng cải cách của Nhật Bản không triệt để. Nhưng trong bối cảnh lúc bấy giờ sự lựa chọn như vậy là hợp lý, nó vừa thể hiện một sự kế thừa, vừa có những tiếp cận mới để tiến lên theo chủ nghĩa tư bản. Cách lựa chọn con đường cải cách của Nhật Bản như là một minh chứng về tính đa dạng và đặc thù của con đường phát triển của lịch sử nhân loại, không có nơi nào đi đúng con đường phổ quát.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ II, Nhật Bản cũng tự tìm cho mình một hướng đi thích hợp, trong bối cảnh chiến tranh đã để lại một hậu quả nặng nề, không chỉ trong nền kinh tế, mà cả trong đời sống xã hội cũng như vị thế của Nhật Bản trên trường quốc tế. Sau chiến tranh, Nhật Bản không thể duy trì chế độ quân phiệt như cũ, mà phải thay đổi theo hướng dân chủ hóa đất nước. Ở vào một tình thế như vậy Nhật Bản cũng đã chọn cho mình một hướng đi phù hợp với tình hình của Nhật Bản sau chiến tranh. Để rồi, chỉ trong vài ba thập niên, Nhật Bản đã trở thành cường quốc thứ hai trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Các học giả Xô Viết đã có cả một công nghiên cứu về những gì làm nên sự thần kì này. Trong phần kết luận của công trình này các tác giả viết: “có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến “bước nhảy” phi thường về công nghiệp đó. Như nhiều tác phẩm của chuyên gia Xô viết, chuyên nghiên cứu các vấn đề kinh tế và xã hội - chính trị của Nhật Bản, đã chứng minh một cách khá thuyết phục ở đây có vai trò đóng góp của nhiều nhân tố, như lực lượng lao động rẻ

mạt trong nước, sự giúp đỡ và nguồn tín dụng của Hoa Kỳ, việc mua thêm các bằng sáng chế, việc gia tăng ảnh hưởng của bộ máy nhà nước đối với nền kinh tế quốc dân... Tác động lớn đến quá trình trên còn phải kể đến cả những đặc điểm tâm lí dân tộc và bản sắc dân tộc của người Nhật Bản”[3]. Chúng tôi cho rằng sự phát triển “thần kỳ” của Nhật Bản do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, nhưng yếu tố chủ đạo là do chính con người Nhật Bản. Bởi vì, “trên thực tế, bất kì một sự thay đổi nào về kinh tế và chính trị của một nước bao giờ cũng đều mang tính đặc thù về tâm lí dân tộc”[3]. Mỗi tộc người trong quá trình phát triển của mình với những điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội cụ thể đã hình thành những bản sắc (identité) văn hóa. “Trên những hình thái sở hữu khác nhau, những hoàn cảnh xã hội khác nhau, vốn ngự trị cả một thượng tầng kiến trúc những tình cảm và thế giới quan đặc thù và khác nhau” (K.Marx). Bản sắc văn hóa của một tộc người đều có ảnh hưởng đến sinh hoạt vật chất của xã hội, đến các chuẩn mực ứng xử của từng cá nhân trong xã hội. Bản sắc văn hóa tộc người được hình thành trong tiến trình lịch sử, tạo nên một nền văn hóa của tộc người, khác với văn hóa của các tộc người khác. Đức cần cù của tộc người, tính kỉ luật, thái độ tôn trọng các giá trị vật chất, các giá trị tinh thần, lòng say mê lao động và sáng tạo trải qua nhiều thế hệ được kế thừa và bổ sung thêm, đã hình thành nên những giá trị văn hóa của một tộc người – bản sắc văn hóa tộc người (identité). Văn hóa của một tộc người không phải là bất biến, mà luôn có những điều chỉnh cho phù hợp. Trong đời sống hàng ngày, những nhân tố văn hóa nào

không còn phù hợp sẽ dần dần biến mất, đồng thời cũng tiếp nhận hay sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới. Trong đời sống của người Nhật những yếu tố văn hóa truyền thống vẫn còn hiện diện trong đời sống cùng với tính năng động trong thời kì hiện đại đã làm nên nét riêng.

Một tinh thần xã hội, cả một dân tộc là một gia đình lớn, nên ai cũng tỏ ra xứng

đáng để đại diện cho đại gia đình đó. Mỗi cá nhân trong thâm tâm họ luôn ý thức được cái tôi riêng luôn hòa hợp với cộng đồng. Tất cả những cái đó của đời sống hiện đại và những giá trị văn hóa truyền thống làm nên giá trị Nhật Bản trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay.

*

JAPANESE VALUE - A PERSPECTIVE

Ngo Van Le

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University of Ho Chi Minh city

ABSTRACT

In this article, we try to find the value of Japan based on the two most important periods of the development of Japan in the near-modern Japanese history. In the Meiji period, Japanese values are to bravely let go anything that is no longer suitable for the development of the country's reform. In the evolutionary path of human history, Japan has found its own path based on its distinctive historical characteristics and natural conditions, made a miraculous breakthrough that very few ethnic groups with the same context can make. In the period after 1945, in addition to the inherited values from the previous development, there are other values establishing Japanese culture in the new context. The values of Japan are all that make its ethnic cultural identity throughout history.

Keywords: *Meiji-ishin, value, culture, social*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Văn Quang (1998), *Lịch sử Nhật Bản*, Tủ sách Trường Đại Học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [2]. Thích Thiên An (1965), *Lịch sử tư tưởng Nhật Bản*, NXB Đông Phương, Sài Gòn.
- [3]. V. Pronikov – I. Ladanov (2004), *Người Nhật*, NXB Tổng hợp TP.HCM.